NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC

Trong thời gian qua, xã hội hóa giáo dục đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trong việc huy động cộng đồng tham gia vào phát triển sự nghiệp giáo dục; đa dạng hóa các hình thức giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục; sự ra đời của hệ thông giáo dục ngoài công lập bên cạnh giáo dục công lập đã phần nào đáp ứng được nhu cầu học tập của nhân dân. Trên thực tế, một số cơ sở giáo dục ngoài công lập đã khẳng định vị thế của mình cả về quy mô và chất lượng so với các cơ sở giáo dục công lập, thể hiện được tính hiệu quả của loại hình trường này; đồng thời xã hội hóa giáo dục đã góp phần tạo nên tính năng động của toàn xã hội, xóa bỏ tâm lý thụ động, ỷ lại, trông chờ vào sự bao cấp của Nhà nước. Việc tăng ngân sách nhà nước cho giáo dục cũng như sự huy động mọi nguồn lực xã hội tham gia vào giáo dục đã góp phần nâng cao mức thụ hưởng, tính dân chủ trong thụ hưởng giáo dục của người dân... Tuy nhiên, xã hội hóa giáo dục Việt Nam còn nhiều vấn đề đặt ra như: vấn đề mới, quan hệ giữa tăng quy mô với bảo đảm chất lượng giáo dục - đào tạo; quan hệ giữa đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy với nguồn lực để thực hiện việc đổi mới đó; vấn đề quan hệ giữa quản lý nhà nước và giám sát của cộng đồng đối với giáo dục - đào tạo... cần giải quyết nhằm thực hiện có hiệu quả hơn nữa.

1. Mối quan hệ giữa xã hội hóa giáo dục với phát triển nguồn nhân lực

Để phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ trên nhiều lĩnh vực, trong đó xã hội hóa giáo dục là một trong những chiến lược cơ bản và quan trọng. Xã hội hóa giáo dục góp phần thực hiện mục tiêu của giáo dục là phát triển con người toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và kỹ năng nghề nghiệp... nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước và thời đại.

Ở Việt Nam trong những năm qua, Đảng, Nhà nước, các cấp chính quyền đã chú ý đến đào tạo nguồn nhân lực. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 579/QĐ-TTg, ngày 19-4-2011 phê duyệt Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011-2020, với mục tiêu: Đưa nhân lực Việt Nam trở thành

TTBD ĐBDC

nền tảng và lợi thế quan trọng nhất để phát triển bền vững đất nước, hội nhập quốc tế và phát triển xã hội, nâng cao trình độ năng lực cạnh tranh của nhân lực nước ta lên mức tương đương các nước tiên tiến trong khu vực, trong đó một số mặt tiếp cận trình độ các nước phát triển trên thế giới.

Để thực hiện được mục tiêu chiến lược phát triển nguồn nhân lực, giáo dục Việt Nam không chỉ đòi hỏi Nhà nước quan tâm phát triển đầu tư giáo dục mà còn đòi hỏi cả cộng đồng cùng tham gia đóng góp xây dựng và phát triển giáo dục. Xã hội hóa giáo dục trong những năm vừa qua đã thu hút được nhiều tổ chức chính trị - xã hội, các cá nhân tham gia, đa dạng hóa nhiều loại hình trường học... tạo điều kiện tốt cho việc đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của xã hội. Bên cạnh hệ thông các trường công lập, hệ thống trường ngoài công lập phát triển mạnh, đặc biệt là các trường cao đẳng, đại học và các cơ sở đào tạo nghề. Việc thành lập các trường đại học, cao đẳng, các cơ sở đào tạo nghề ngoài công lập đã tạo cơ hội cho hàng trăm ngàn học sinh được đào tạo. Như vậy, số lượng nguồn nhân lực qua đào tạo của Việt Nam càng ngày càng tăng.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện xã hội hóa giáo dục, mặc dù chất lượng nguồn nhân lực từng bước được nâng cao, song chưa đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội. Theo Báo cáo danh sách 200 doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam được UNDP công bố tháng 9-2007: một trong những khó khăn lớn nhất của các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay là lực lượng lao động qua đào tạo với kỹ năng cần thiết còn quá nghèo nàn, khi tuyển dụng nhiều doanh nghiệp phải bỏ ra một lượng vốn lớn, khá tốn kém để đào tạo lại người lao động. Theo khảo sát của Ngân hàng Thế giới, khoảng 50% doanh nghiệp may mặc, hóa chất đánh giá lao động được đào tạo không đáp ứng được nhu cầu của mình, khoảng 60% lao động trẻ tốt nghiệp từ các trường dạy nghề và cao đẳng cần đào tạo lại ngay sau khi tuyển dụng. Như vậy, nguồn nhân lực với tư cách là sản phẩm của giáo dục, đang có nguy cơ trở thành điểm nghẽn trong phát triển kinh tế - xã hội. Đó là điều đáng lo ngại nhất và được Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu cảnh báo từ nhiều năm nay. Theo Báo cáo này, từ năm 2008 đến năm 2012, chất lượng nguồn nhân lực "không đến nơi đến chốn" là một trong năm vấn đề bức xúc nhất trong

TTBD DBDC

phát triển kinh tế của nước ta. Tại Hội nghị lần thứ sáu (khóa XI), Đảng ta đã khẳng định: "*Giáo dục đại học và giáo dục nghề chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội, chưa gắn với yêu cầu sử dụng nguồn nhân lực*".

Ngay cả nguồn nhân lực trong ngành giáo dục cũng chưa đáp ứng được yêu cầu của xã hội hóa giáo dục.

Điều này được thể hiện trên thực tế hiện nay là đội ngũ giáo viên, nhất là giảng viên đại học, cao đẳng vừa thiếu lại vừa hạn chế về trình độ, kỹ năng giảng dạy, thậm chí có trường vẫn còn hiện tượng "cơm chấm cơm" (đại học dạy đại học). Do đó, chất lượng sinh viên tốt nghiệp phần lớn chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Một số trường sư phạm hiện nay, do kinh phí eo hẹp, cơ sở vật chất xuống cấp, số lượng học sinh theo học ngành này giảm, đời sống của giáo viên gặp nhiều khó khăn. Nhiều trường đã phải mở thêm ngành đào tạo mới; đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho nâng cấp trường từ cao đẳng lên đại học; đổi tên trường để có thể tăng quy mô đào tạo đa ngành nhằm thu hút sinh viên và được thu học phí để có thể trang trải.

Để lý giải điều này, có rất nhiều nguyên nhân: các chương trình đào tạo ở các trường cao đẳng, đại học quá nặng về lý thuyết, nhẹ về thực hành, đào tạo không gắn với nhu cầu của xã hội; nguồn vốn đầu tư cho giáo dục còn thấp; sự gắn kết giữa Nhà nước - địa phương - nhà trường - doanh nghiệp thấp; việc thực hiện xã hội hóa giáo dục theo chiều rộng, chỉ tập trung vào số lượng đào tạo mà chưa chú ý tới việc nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, đặc biệt là chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của xã hội hiện đại. Hội nghị lần thứ sáu (khóa XI), Đảng ta đã chỉ ra một trong những nguyên nhân dẫn đến hạn chế, yếu kém của giáo dục và đào tạo là: *"Chính sách giáo dục, đào tạo chưa tạo được động lực, huy động sự tham gia rộng rãi của toàn xã hội. Không có quy hoạch phát triển nguồn nhân lực và kế hoạch phát triển đất nước, các ngành các địa phương"*. Để đào tạo nguồn nhân lực và nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng được các yêu cầu phát triển của đất nước thì người học phải có cơ hội tiếp nhận được những

TTBD ĐBDC

kiến thức khoa học tiên tiến nhất, đồng thời có kỹ năng vận dụng hiệu quả các kiến thức đã có vào thực tiễn.

Do vậy, điều quan trọng là làm cho xã hội hóa giáo dục phát triển một cách lành mạnh, thực sự là phương tiện đắc lực để phát triển trí tuệ, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, trang bị kiến thức nghề giáo dục phải gắn liền với việc nâng cao chất lượng giáo dục; tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước.

2. Xã hội hóa giáo dục với việc tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư

Đối với nền giáo dục của bất kỳ quốc gia nào trên thế giới, trong đó có nền giáo dục Việt Nam, chất lượng giáo dục - đào tạo quyết định sự tồn tại và phát triển bền vững của quốc gia, bên cạnh các yếu tố như nội dung chương trình, phương pháp, hệ thông giáo trình, tài liệu tham khảo hay đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên giảng dạy... Do đó việc tăng cường nguồn vốn đầu tư cho giáo dục - đào tạo là yếu tố cực kỳ quan trọng. Nguồn vốn đầu tư sẽ tạo điều kiện nâng cấp cơ sở vật chất, trang bị những phương tiện giảng dạy và học tập hiện đại trong các trường học; đầu tư cho đội ngũ giáo viên góp phần đào tạo được đội ngũ lao động có chất lượng, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Như vậy, để "nâng cao chất lượng toàn diện; đổi mới cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý, nội dung, phương pháp dạy và học; thực hiện "chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa", chấn hưng nền giáo dục Việt Nam", thì việc huy động nguồn vốn đầu tư là một vấn đề quan trọng. Xã hội hóa giáo dục là một trong những cách thức thực hiện hiệu quả việc thu hút nguồn vốn đầu tư cho sự phát triển giáo dục.

TTBD ĐBDC

Thực tế những năm thực hiện xã hội hóa giáo dục vừa qua đã cho thấy, việc thu hút nguồn vốn đầu tư cho giáo dục không ngừng tăng, ngân sách nhà nước tăng từ 13% năm 1998 lên 20% năm 2014. Nhưng quy mô ngân sách nước ta nhỏ nên tổng mức chi ngân sách cho giáo dục còn hạn chế, mức chi bình quân cho một học sinh, sinh viên còn rất khiêm tốn so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Kinh phí hạn hẹp, Nhà nước phải chi trả cho tất cả các cấp học, các trình độ đào tạo. Điều 1- này làm cho kinh phí đầu tư, nguồn lực đầu tư bị căng mỏng

để phủ toàn bộ hệ thống giáo dục nên không tạo được bước chuyển biến lớn trong lĩnh vực giáo dục.

Trong quá trình xã hội hóa, Đảng và Nhà nước đã có những chủ trương, chính sách huy động đầu tư các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước như: từ gia đình, dòng họ, các tổ chức xã hội, các tổ chức chính trị, các thành phần kinh tế... Cùng với đó là sự đa dạng về các loại hình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân, cốt lõi là giáo dục chính quy bên cạnh các loại hình giáo dục, đào tạo khác, góp phần thu hút các nguồn lực đầu tư cho giáo dục. Song việc huy động nguồn vốn đầu tư cũng còn rất hạn chế.

Như vậy, giáo dục Việt Nam hiện nay luôn phải đương đầu với mâu thuẫn lớn là yêu cầu cao về mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng với một bên là sự hạn hẹp của nguồn lực tài chính. Mặc dù ngân sách chi cho giáo dục tăng, sự thu hút nguồn đầu tư ngoài ngân sách tăng nhưng mâu thuẫn này vẫn ngày càng gay gắt và tiếp tục gay gắt do quy mô giáo dục không ngừng mở rộng, nhu cầu học tập của người dân ngày càng lớn, yêu cầu về chất lượng giáo dục ngày càng cao.

Để thu hút được nguồn vốn đầu tư cho giáo dục thì vấn đề đặt ra cho xã hội hóa giáo dục là cần có những giải pháp hợp lý để có thể tăng mức vốn đầu tư đáng kể cho giáo dục từ nay đến năm 2020 nhằm tạo nên sự chuyển biến căn bản về chất lượng trong giáo dục - đào tạo. Đầu tư từ ngân sách nhà nước có vai trò quan trọng nhưng không thể đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng về giáo dục - đào tạo trong xã hội. Cho nên, trong xã hội hóa giáo dục, Đảng và Nhà nước cần xây dựng và hoàn thiện chính sách cụ thể nhằm huy động sự đóng góp của các tổ chức kinh tế và xã hội sử dụng nguồn nhân lực được đào tạo; học phí từ người học; các tổ chức chính trị - xã hội, các nhà hảo tâm, các tổ chức nước ngoài, các nhà đầu tư. Đặc biệt phải huy động được các doanh nghiệp lớn, các tập đoàn kinh tế có nhu cầu nhân lực phục vụ cho sự phát triển của mình, phù hợp với yêu cầu về công nghệ, phù hợp với nhu cầu riêng của tập đoàn, công ty tham gia vào quá trình đào tạo. cần khuyến khích các cơ sở đào tạo nghề ở các doanh nghiệp, tập đoàn để huy động được nguồn vốn đầu tư cho giáo dục - đào tạo.

TTBD ĐBDC

3. Xã hội hóa giáo dục với bảo đảm công bằng trong giáo dục

Công bằng trong giáo dục là sự đáp ứng nhằm thỏa mãn một cách hợp lý nhu cầu học tập và tham gia các hoạt động .giáo dục của các tầng lớp, các nhóm xã hội, các cá nhân xuất phát từ khả năng hiện thực của những điều kiện kinh tế - xã hội nhất định, trong đó phải nhấn mạnh sự công bằng về quyền được học hành, quyền được thụ hưởng một nền giáo dục hiện đại, quyền được tham gia phát triển giáo dục.

Trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, để tồn tại và phát triển, ngay từ các triều đại phong kiến, các thế hệ người Việt Nam luôn quan tâm xây dựng một nền giáo dục quốc gia, đồng thời tạo điều kiện cho nền giáo dục dân gian tồn tại và phát triển. Điều đó tạo ra một số giá trị, trong đó phải kể đến sự công bằng về phương diện giáo dục. Đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, chúng ta đang xây dựng nền giáo dục xã hội chủ nghĩa bảo đảm công bằng về giáo dục - đào tạo, tạo mọi điều kiện, cơ hội cho mọi người được đi học. Nền giáo dục của nước ta là nền giáo dục của dân, do dân và vì dân, nghĩa là giáo dục cho mọi người.

Trong gần 20 năm qua với chủ trương thực hiện xã hội hóa giáo dục, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều các nhóm thu nhập khác nhau trong xã hội. Xã hội hóa giáo dục ở nước ta đã bước đầu đạt được những thành tựu nhất định trong việc thực hiện công bằng trong giáo dục: khoảng cách về cơ hội tiếp cận với giáo dục giữa các nhóm dân tộc được rút ngắn; khoảng cách chênh lệch về cơ hội tiếp cận với giáo dục giữa các vùng, miền, thành thị và nông thôn được thu hẹp; cơ hội tiếp cận với giáo dục theo nhóm thu nhập được cải thiện; chênh lệch giữa nam và nữ trong tỷ lệ nhập học các cấp học giảm dần; công bằng trong khu vực dạy nghề đã đạt được kết quả nhất định; công tác giáo dục cho trẻ em cần bảo vệ đặc biệt ngày càng được chú trọng.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau như sự nhận thức của người dân giữa các vùng, miền, nhóm đối tượng xã hội khác nhau về vai trò của giáo dục; tác động của kinh tế thị trường lên mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là

TTBD ĐBDC

khoảng cách giàu - nghèo trong xã hội, mà việc thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục vẫn còn nhiều hạn chế.

Thực tế cho thấy, sự chênh lệch về mức sống, sự phân hóa giàu - nghèo trong xã hội ngày càng sâu, rộng giữa thành thị và nông thôn, nên tỷ lệ học sinh ở nông thôn thường ít hơn ở thành thị, thấp nhất là vùng núi phía Bắc và Tây Nguyên. Sự chênh lệch này rất rõ ở bậc phổ thông trung học. Bản chất của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa là hướng về cộng đồng, hướng về số đông con

Tổng cục Thống kê, Bộ Y tế và UNICEF thực hiện nguyên nhân thanh, thiếu niên chưa bao giờ đi học như sau: không đủ tiền nộp học: 44,1%; phải lao động giúp đỡ gia đình: 21,2%. Nguyên nhân thanh, thiếu niên bỏ học là: 25% không thể trang trải cho việc học,gồm chi phí liên quan như: mua sách, đồ dùng học tập, 1 quần áo, phương tiện để đi học, đóng góp xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp; 20% phải đi làm việc giúp gia đình. Thông qua những con số này, chúng ta thấy thu nhập của từng gia đình ảnh hưởng rất lớn đến tình hình học tập của con em họ. Đặc biệt, những khó khăn trong việc chi trả chi phí học tập và việc giúp đỡ gia đình trong những gia đình hộ nghèo và dân tộc thiểu số ngày càng nặng nề hơn.

Nhìn chung, khu vực thành thị vẫn được chú ý phát triển giáo dục nhiều hơn so với khu vực nông thôn, mặc dù chính sách của Đảng và Nhà nước là thực hiện công bằng ở tất cả các khu vực trong cả nước. Trong những năm gần đây, với việc thực hiện xã hội hóa giáo dục, chúng ta đã xây dựng được nhiều trường, lớp, mỗi phường trong thành phố có ít nhất một trường tiểu học, mỗi xã vùng cao cũng có trường tiểu học. Xét về mặt số lượng thì chúng ta thấy có sự công bằng giữa miền núi và đô thị trong giáo dục tiểu học. Nhưng thực ra vẫn có sự khác biệt rất lớn và không công bằng trong điều kiện học tập. Bởi lẽ, trường tiểu học ở thành phố được xây dựng kiên cố với cơ sở vật chất hiện đại, còn trường ở vùng cao, vùng xa, lớp học được bao quanh bởi những tấm phên tre, đồ dùng dạy học, trang thiết bị thiếu thốn... Như vậy, vấn đề đặt ra là làm thế nào để đầu tư đồng

TTBD ĐBDC

đều và có hiệu quả cho tất cả hệ thống giáo dục, đặc biệt là bậc mầm non và tiểu học ở các địa phương trong cả nước.

Việc thu hút nguồn lực tài chính từ gia đình và xã hội là một việc làm cần thiết trong công tác xã hội hóa giáo dục. Đây là một chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước. Song, mức chi cho giáo dục vượt quá khả năng thực tế của các hộ gia đình sẽ làm hạn chế cơ hội tiếp cận dịch vụ giáo dục của người nghèo, từ đó kéo theo những hệ lụy khác về mặt xã hội. Cụ thể, những năm gần đây ở nước ta đã mở thêm nhiều trường đại học và cao đẳng. Song khá đông thanh niên vẫn không có cơ hội được ngồi trên giảng đường đại học, không phải vì họ không có đủ năng lực trí tuệ mà lý do cơ bản là học phí cao, tăng liên tục nên họ không đủ khả năng chi trả cho việc học tập. Như vậy, có thể thấy rằng, mục tiêu thực hiện công bằng trong giáo dục là phải tính đến từng con người, không loại trừ một ai. Sự công bằng về giáo dục là sự công bằng về cơ hội để mỗi người dân có cơ sở thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ học tập suốt đời. Giáo dục Việt Nam hiện nay chưa làm được điều này.

Như vậy, xã hội hóa giáo dục phải làm sao để tạo điều kiện cho tất cả mọi người đều có cơ hội học tập, cơ hội được giáo dục và tham gia giáo dục ở mọi cấp học, mọi trình độ. Mạng lưới giáo dục phải được xây dựng khắp các vùng, miền, tạo điều kiện để "ai cũng được học hành", dần dần phổ cập giáo dục các cấp, phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước và nâng cao chất lượng cuộc sống của con người. Mọi cá nhân, gia đình, tập thể đều có nghĩa vụ đóng góp tích cực vào sự phát triển giáo dục nước nhà.

TTBD DBDC